

Bản án số: 179/2020/HC-PT

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 210/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 7 năm 2020, về việc “*kiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1484/2020/QĐ-PT ngày 27-8-2020, giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện: Ông Lê P, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê P: Bà Bùi Thị H, Luật sư- thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê P: Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: Số 09 Đường N, phường A, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2/ Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D1, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố M, thị trấn N1, huyện D1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân C, chức vụ - Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Bùi Anh N2, Luật sư- thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối phố M1, thị trấn N1, huyện D1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1: Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: số 09 Đường N, phường A, thành phố T2, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê P, bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Lê P và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Lê Thanh T1 thống nhất trình bày:

- Về Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất cho công dân di dời xói lở để xây dựng nhà ở:

Tại Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 có các nội dung: Hủy bỏ việc thu hồi diện tích đất thổ cư 342 m² của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 thuộc xã D (do lý do thu hồi thửa đất nằm trong vùng sạt lở năm 2007 là không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003); đồng thời hủy bỏ việc UBND xã D quản lý và sử dụng diện tích đất thu hồi.

Tuy nhiên, Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 điều chỉnh, bổ sung nội dung khấu trừ diện tích được giao đất tái định cư diện xói lở 130,7m² tại thửa đất số 524 (thửa 736), tờ bản đồ số 11 vào diện tích đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 khi Nhà nước thu hồi đất, để thực hiện dự án Khu đô thị NR. Nội dung điều chỉnh khấu trừ diện tích thửa đất số 524 (Giấy chứng nhận là thửa 736) vào diện tích thửa đất số 111 là không đúng, bởi lẽ thửa đất số 736 (Quyết định của UBND ghi nhầm là 524) là thửa đất do gia đình khai phá tạo lập và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy trình Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất chứ không phải là đất do tái định cư mà có. Và thực tế không có việc thu hồi đất, tái định cư diện xói lở như UBND huyện D1 cũng đã thấy sai và đã hủy Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007. Mặt khác, khi thực hiện dự án Khu đô thị NR thì Nhà nước mới tiến hành thu hồi đất và phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại thời điểm thu hồi đất chứ không phải tái định cư là từ các thửa đất đã có, đang thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người dân, người bị thu hồi đất.

- Về Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân:

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 666563 ngày 10/8/1995 có diện tích đất 342m² đất thổ cư (là loại đất ở nông thôn) của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 tức là thửa đất số 89 tờ bản đồ số

24 (theo bản đồ trích đo mới). Nhưng Quyết định số 7016/QĐ-UBND lại chỉ công nhận diện tích đất của thửa đất số 89, tờ bản đồ số 24 là 230m². Việc công nhận diện tích và thu hồi đất như vậy là không đúng với hiện trạng thửa đất khi thực hiện kiểm đếm để tiến hành thu hồi đất; thể hiện tại biên bản kiểm kê đất đai, cây cối, hoa màu và được nêu cụ thể tại Thông báo thu hồi đất số 574/TB-UBND ngày 11/7/2017 của UBND huyện D1. Chi tiết thửa đất số 89, tờ bản đồ số 24 có diện tích 342m². Do vậy, ông yêu cầu hủy Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1.

- Về Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 10):

Về bồi thường, hỗ trợ: Tại quyết định 7018/QĐ-UBND tính giá trị bồi thường về đất của hộ ông Lê P là 64.400.000 đồng đối với thửa đất thu hồi, áp dụng cho diện tích đất 230m² đất ở nông thôn là không đúng. Vì thửa đất bị thu hồi số 89, tờ bản đồ số 24 của hộ ông Lê P có diện tích 342m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biên bản kiểm kê tài sản, thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị NR.

Về tái định cư: Quyết định số 7018/QĐ-UBND tính trừ thửa đất số 736, tờ bản đồ số 11 để tái định cư cho hộ ông Lê P là không đúng theo quy định của Luật Đất đai về tái định cư. Vì thửa đất này (thửa đất số 736, tờ bản đồ số 11 cũ, tức là thửa 89, tờ bản đồ số 24 mới) là thửa đất của hộ gia đình ông Lê P khai phá tạo lập, sử dụng ổn định, có nhà ở và được cấp Giấy chứng nhận năm 2007; không phải là đất Nhà nước tái định cư khi thực hiện dự án Khu đô thị NR năm 2017. Do đó, không thể nói đây là đất tái định cư và không được tính trừ vào đất Nhà nước phải bồi thường, tái định cư khi thu hồi đất.

Về giá đất: Việc áp giá tính giá trị bồi thường về đất tại Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 với đơn giá 280.000 đồng/m² x 230m² = 64.400.000 đồng là không đúng với thực tế giá đất tại địa phương. Cụ thể, tại Bảng giá đất năm 2019 được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành ngày 20/12/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 25/12/2004, Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 22/2/2015 và Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016. Giá đất áp dụng năm 2019 đã thay đổi rất nhiều và không thể áp dụng bảng giá đất cũ để tính bồi thường về đất cho việc thu hồi đất tại thời điểm năm 2019. Đây là việc áp dụng quy định pháp luật để tính giá trị bồi thường không đúng, cần phải bồi thường lại theo đúng quy định.

Do đó, ông Lê P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

+ Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xóa lổ để xây dựng nhà ở;

+ Hủy Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ Lê P và Nguyễn Thị H1;

+ Hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 10);

+ Buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bị kiện UBND huyện D1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Luật sư Bùi Anh N2 thống nhất trình bày:

Chấp hành Biên bản đối thoại thành ngày 16/5/2019 giữa người khởi kiện ông Lê P với người bị kiện UBND huyện D1 tại Trung tâm Hòa giải đối thoại TAND tỉnh Quảng Nam. UBND huyện D1 đã ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 về thu hồi đất, giao đất cho công dân di dời xói lở xây dựng nhà ở; ban hành Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 8851/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về thu hồi đất do UBND xã quản lý. Đồng thời, ban hành Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 phê duyệt điều chỉnh giá trị hỗ trợ của hộ ông Lê P tại Quyết định số 8852/QĐ-UBND ngày 27/12/2018; ban hành Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 về hủy bỏ Quyết định số 8904/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện D1.

Căn cứ quy định pháp luật và Biên bản đối thoại thành, UBND huyện D1 đã thực hiện theo tinh thần nội dung ghi nhận tại Biên bản.

Tại phiên tòa, ông Lê Thanh T1 cho rằng thửa đất số 736 diện tích 130,7m² gia đình ông Lê P được giao là đất khai hoang, không phải được giao do di dời xói lở là không đúng. Trong hồ sơ thể hiện từ Đơn xin giao đất ngày 20/6/2007, Danh sách các hộ được trợ cấp theo diện tái định cư ven sông sạt lở thì có hộ ông Lê P 05 nhân khẩu đã nhận tiền hỗ trợ 1,5 triệu đồng, Tờ trình của UBND xã D, Biên bản họp xét giao đất cho công dân di dời xói lở có 14 hộ thì có hộ ông Lê P và có sơ đồ bản vẽ kèm theo. Như vậy, thửa đất số 736, diện tích 130,7m² không phải do gia đình ông Lê P khai hoang mà do Nhà nước bố trí tái định cư khi thu hồi đất xói lở theo Quyết định số 1755.

Quyết định số 7016 thu hồi thửa số 111, tờ bản đồ số 11 theo hiện trạng, căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng là 230m², phần còn lại bị sạt lở do tự nhiên và thực hiện thu hồi, bồi thường đúng quy định.

Quyết định số 7018 bồi thường, hỗ trợ, đơn giá bồi thường 280.000đồng/m². Đất tái định cư 285.000 đồng/m² cao hơn so với giá UBND tỉnh Quảng Nam ban hành, nên hộ ông Lê P cho rằng áp giá thấp hơn là không đúng.

UBND huyện D1 hỗ trợ cho hộ ông Lê P tại Quyết định số 8904 và sau điều chỉnh tăng tính theo giá có lợi cho hộ ông Lê P, dù trước đó ông Lê P đã nhận tiền

và bàn giao mặt bằng theo Biên bản nhận tiền và cam kết giao mặt bằng tháng 01 năm 2019 không tranh chấp gì.

Việc khấu trừ đất tái định cư phù hợp pháp luật.

Do đó, các Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, ông Lê P yêu cầu hủy các Quyết định này là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê P.

3. Ông Lê Thanh T1 đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà H1 thống nhất với trình bày của ông Lê P, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ Nguyễn Thị H1 4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê P về việc “*khấu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” với nội dung: Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1 về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về việc thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xóa lờ để xây dựng nhà ở; hủy Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ ông Lê P và Nguyễn Thị H1; hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 10); buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, ông Lê Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Thanh T1 trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Luật sư Bùi Thị Hương trình bày và ông Lê Thanh T1 trình bày bổ sung thể hiện: Ba quyết định ông Lê P khởi kiện gồm Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 ban hành không đúng pháp luật cả về hình thức và nội dung, nên không có giá trị pháp lý. Từ đó, gây ảnh hưởng đến quyền và

lợi ích hợp pháp của ông Lê P. Do vậy, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 và buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư Bùi Anh N2 trình bày: Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 ban hành đúng pháp luật. Quyền lợi của ông Lê P đã được đảm bảo. Do vậy, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử bác kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ *Về nội dung vụ án*: Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 và Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Ông Lê P có liên quan đã được giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh T1 không cung cấp được chứng cứ nào mới. Do vậy, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử bác kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, ông Lê Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 là trong thời hạn luật định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1:

[2.1] Quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 29/5/2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND huyện D1 về thu hồi giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xóa lở để xây dựng nhà ở.

Ngày 09/9/2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 7016/QĐ-UBND về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1.

Ngày 09/9/2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 7018/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 10).

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 18/11/2019 ông Lê P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam hủy các Quyết định số 3193/QĐ-UBND, số 7016/QĐ-UBND, số 7018/QĐ-UBND là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đồng thời, ông P yêu cầu buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về nội dung Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1:

Hộ gia đình ông Lê P sử dụng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11, diện tích 342m², loại đất thổ cư tại địa chỉ: Xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam theo GCNQSDĐ số G666563 do UBND D1 cấp ngày 10/8/1995. Do vị trí đất hộ gia đình ông Lê P sử dụng nằm trong vùng sạt lở. Ngày 03/11/2007, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 1755/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xói lở. Nội dung của quyết định thể hiện: “Điều 1. Thu hồi của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 diện tích 342m² tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11, diện tích 342m², loại đất thổ cư thuộc xã D. Lý do thu hồi: Thửa đất nằm trong vùng sạt lở. Giao cho hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 diện tích 130,7m² đất tại thửa số 524, tờ bản đồ số 11, thuộc xã D, huyện D1. Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà ở ...”.

Tại Biên bản đối thoại thành ngày 16/5/2019 của Trung tâm Hòa giải-Đối thoại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giữa người khởi kiện là ông Lê P, với người bị kiện là UBND huyện D1, thể hiện: “UBND huyện D1, tỉnh Quảng Nam thống nhất hủy một phần Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 03/11/2007 của UBND huyện D1 với nội dung thu hồi diện tích đất thổ cư 342m² của hộ ông Lê P tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11; giữ nguyên nội dung giao diện tích đất 130,7m² cho hộ ông Lê P đối với thửa đất số 524 (thửa 736 theo GCNQSDĐ), tờ bản đồ số 11 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 547695 do UBND huyện D1 cấp cho hộ ông P ngày 22/11/2007... Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản, người bị kiện phải gửi cho Trung tâm Hòa giải-Đối thoại Quyết định hành chính mới...”. Nội dung Biên bản đối thoại thành được ông Lê Thanh T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê P đồng ý và ký xác nhận.

Căn cứ vào Biên bản đối thoại thành ngày 16/5/2019. Ngày 29/5/2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 3193/QĐ-UBND về việc hủy bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về thu hồi đất, giao đất cho công dân di dời xói lở để xây dựng nhà ở, thể hiện: “Điều 1. Nay hủy bỏ một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về việc thu hồi đất, giao đất cho hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, ở Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam nằm trong diện di dời xói lở để xây dựng nhà ở, với các nội dung sau: 1- Hủy bỏ các nội dung tại Điều 1 Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007, gồm: - Thu hồi diện tích đất thổ cư 342,0m² của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11, thuộc xã D. Lý do thu hồi: Thửa đất nằm trong vùng sạt lở. - Hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 được miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP. 2- Hủy bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007: UBND xã D quản lý và sử dụng diện tích đất thu hồi theo quy định của pháp luật. Lý do hủy bỏ: Trong quá trình triển khai thực hiện các hồ sơ thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, giao đất thuộc diện di dời tái định cư vùng có nguy cơ xói lở đối với hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, các cơ quan chức năng thực hiện không đúng quy định. 3- Điều chỉnh bổ sung nội dung: Đối với diện tích đất được giao đất tái định cư diện xói lở 130,7m² tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 cho hộ ông Lê P, bà Nguyễn Thị H1 sẽ được khấu trừ vào diện tích đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị NR tại xã D. ...”.

Ngoài ra, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Tại Biên bản họp xét giao đất ở cho công dân thuộc diện di dời xói lở ngày 01/6/2007 của Hội đồng xét cấp đất xã D, thể hiện: “... danh sách các hộ di dời từ năm 1997 đến năm 2007. Đã được Nhà nước cấp kinh phí di dời và đã ở ổn định vào nơi ở mới cụ thể như sau: ... 6- Ông Lê P: Trước đây Nhà nước cấp GCNQSDĐ số G 666563 do UBND huyện cấp ngày 10/8/1995, có thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11, diện tích 342m², thuộc xã D, thửa đất đó nằm khu vực có nguy cơ ngập lụt xói lở, được Nhà nước di dời vào nơi ở mới, tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11, diện tích 130,7m²...”. Kèm theo Trích đo địa chính số 1067/VPĐKQSDĐ (kèm theo hồ sơ xin giao đất để làm nhà ở). Tại Đơn xin giao đất ngày 20/6/2007 của ông Lê P, thể hiện: “Họ và tên người xin giao đất-Lê P, Nguyễn Thị H1 ... địa điểm khu đất xin giao: Tại thửa 524, tờ bản đồ số 11; diện tích xin giao: 130,7m² ...”. Ngoài ra, còn thể hiện hộ gia đình ông Lê P nhiều lần nhận tiền trợ cấp dự án tái định cư ven sông sạt lở.

Như vậy, Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về nội dung “*Giao cho hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 diện tích 130,7m² đất tại thửa số 524, tờ bản đồ số 11, thuộc xã D, huyện D1. Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà ở*” vẫn còn hiệu lực. Do đó, Ngày 22/11/2007, UBND huyện D1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 547695 cho hộ ông Lê P với 130,7m² đất ở tại nông thôn, tại thửa đất số 736, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam. Đồng thời, Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 đã điều chỉnh bổ sung thêm nội dung “*Đối với diện tích đất được giao đất tái định cư diện xói lở 130,7m² tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 cho hộ ông Lê P, bà Nguyễn Thị H1 sẽ được khấu trừ vào diện tích đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị NR tại xã D*”. Từ đó, xác định Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1 điều chỉnh bổ sung đối với diện tích 130,7m² đất tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 11 sẽ được khấu trừ vào diện tích đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Khu đô thị NR là có căn cứ.

[2.3] Về nội dung Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1:

Thực hiện dự án Khu đô thị NR, UBND huyện D1 tiến hành thu hồi đất của hộ ông Lê P, bà Nguyễn Thị H1. Ngày 21/3/2017 Trung tâm Phát triển hạ tầng phối hợp cùng UBND xã D và chủ sử dụng đất lập Biên bản kiểm kê tài sản của hộ ông Lê P, thể hiện: “*Diện tích đất thửa đất số 89, tờ bản đồ số 24 của hộ ông Lê P là 342m² đất, loại đất CLN*”. Ngày 17/9/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D1, UBND xã D và các hộ dân đang sử dụng đất có liên quan lập Biên bản kiểm tra đo đạc hiện trạng kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất. Đối với hộ ông Lê P, thể hiện: “*Thửa đất số 89, mảnh trích đo địa chính 24, địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam; chủ sử dụng đất: Lê P; diện tích: 230,0m²*”. Ngày 09/9/2019, UBND huyện D1 ban hành Quyết định số 7016/QĐ-UBND về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, thể hiện: “*Điều 1. Công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, thường trú tại Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam với diện tích 230,0m² đất ở tại nông thôn (trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 111, tờ bản đồ địa chính số 11, diện tích 342,0m², diện tích đất giảm 112,0m² do sạt lở tự nhiên). Thu hồi đất của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, ở tại Thôn T, xã D, huyện D1, tỉnh Quảng Nam với diện tích 230,0m², loại đất ở tại nông thôn, tại thửa đất số 89, tờ trích đo số 24-thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ địa chính số 11...*”.

Như vậy, Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 ban hành là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.4] Về nội dung Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1:

Như đã phân tích tại các tiêu mục [2.2] và 2.3] nêu trên, diện tích 342m² đất thổ cư theo GCNQSDĐ số G 666563 ngày 10/8/1995 do UBND D1 cấp cho hộ gia đình ông Lê P được khấu trừ vào 130,7m² khi thực hiện dự án Khu đô thị NR theo Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1. Và Quyết định số 7016/QĐ-UBND của UBND huyện D1 công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng của hộ ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 là 230,0m² đất ở nông thôn là có căn cứ. Việc áp giá bồi thường đối với 230,0m² đất cho hộ ông Lê P, bà Nguyễn Thị H1 theo Quyết định của UBND tỉnh Quảng Nam về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2014 là có lợi cho hộ gia đình ông P (Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định là 280.000đ/m² áp dụng 2015-2019. Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định giá đất năm 2019 là 220.000đ/m²). Từ đó, hộ gia đình ông Lê P được bồi thường về đất và hỗ trợ chênh lệch tái định cư với tổng số tiền là 64.400.000đ là có căn cứ. Các Quyết định hành chính nêu trên của UBND huyện D1 được ban hành đúng pháp luật. Do vậy, yêu cầu của ông Lê P buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật là không có căn cứ. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê P và bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê P và Nguyễn Thị H1 thuộc trường hợp được miễn, do vậy không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Bác kháng cáo của ông Lê P và Nguyễn Thị H1, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê P về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” với nội dung: Hủy Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND huyện D1 về việc hủy

bỏ, điều chỉnh bổ sung một phần nội dung Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 08/11/2007 của UBND huyện D1 về việc thu hồi đất, giao đất xây dựng nhà ở cho công dân di dời xóa lở để xây dựng nhà ở; hủy Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về việc công nhận diện tích thửa đất theo hiện trạng sử dụng và thu hồi đất của hộ ông Lê P và Nguyễn Thị H1; hủy Quyết định số 7018/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của UBND huyện D1 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Lê P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị NR (đợt 10); buộc UBND huyện D1 ban hành lại các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Lê P theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê P và Nguyễn Thị H1 được miễn.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Phạm Việt Cường Nguyễn Xuân Điền

Trần Quốc Cường